ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG NHỊ CHIỂU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – hạnh phúc
Số: 366 /TB-UBND	*Nhị Chiểu, ngày 02 tháng 10 năm 2026*

THÔNG BÁO

V/V công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách phường 9 tháng năm 2026

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, Thông tư số 61/2017/TT- BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định 5055/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước; thu – chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

UBND phường Nhị Chiểu thông báo về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách phường 9 tháng năm 2026 *(chi tiết theo các mẫu biểu kèm theo):*

1. Thời gian niêm yết công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 là 30 ngày kể từ ngày 02 tháng 10 năm 2026 đến ngày 02 tháng 11 năm 2026.

2. Địa điểm công khai tại: Cổng thông tin điện tử phường Nhị Chiểu *(https://nhichieu.haiphong.gov.vn)*.

Ủy ban nhân dân phường thông báo để toàn thể cán bộ, công chức cơ quan và nhân dân được biết./.

Nơi nhận:
-TT Đảng ủy, TT HĐND;
- Lãnh đạo UBND;
- Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công;
- Lưu VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG NHỊ CHIỂU T.P HẢI PHÒNG

Lãnh Duy Tiến

UBND Phường Nhị Chiểu

Mẫu biểu số 02

BÁO CÁO THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 3 NĂM 2026

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Ước thực hiện			Ước thực hiện so (%)	
		Dự toán	Phát sinh	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4	5
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**262.594.000.000**	**65.061.847.794**	**395.817.065.692**	**151**	**70**
I	**Thu nội địa không kể dầu thô**	**262.594.000.000**	**65.061.847.794**	**395.817.065.692**	**151**	**70**
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	202.525.000.000	40.630.346.827	266.017.156.873	131	108
2	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện			19.537.838.016		
3	Các loại phí, lệ phí	17.120.000.000	12.189.505.808	40.746.942.980	238	118
	Trđó: Lệ phí trước bạ	*16.140.000.000*	*6.155.869.116*	*20.261.506.642*	*126*	*114*
4	Các khoản thu về nhà, đất	39.219.000.000	7.426.645.402	56.383.519.155	144	36
-	*Thuế sử dụng đất nông nghiệp*					
-	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*	*3.790.000.000*	*933.200.928*	*1.994.025.893*	*53*	*216*
-	*Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước*	*25.100.000.000*	*3.334.400.474*	*41.626.060.262*	*166*	*407*
-	*Thu tiền sử dụng đất*	*10.329.000.000*	*3.159.044.000*	*12.763.433.000*	*124*	*16*
-	*Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước*					
5	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
6	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
7	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển			4.138.069.000		
8	Thu tiền cấp quyền khai thác vùng biển					
9	Thu khác ngân sách	1.530.000.000	4.193.202.263	7.214.970.918	472	284
10	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	2.200.000.000	622.147.494	1.778.568.750	81	31
11	Thu hồi vốn,cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN					
-	*Thu hồi vốn của Nhà nước tại các tổ chức kinh tế*					
-	*Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuậu sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước*					
II	**Thu về dầu thô**					
III	**Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu**					
1	Thuế xuất khẩu					
2	Thuế nhập khẩu					
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu					
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu					
5	Thuế bổ sung đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam					
6	Thuế bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu					
7	Thu khác					
IV	**Thu Viện trợ**					
V	**Tạm thu ngân sách**					
B	**Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác**		**-97.868.233.155**	**-137.488.731.523**		
1	Hoàn thuế GTGT		-97.868.233.155	-137.488.731.523		
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	**THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**		**74.918.430.824**	**440.862.121.937**		**94**
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSĐP		55.108.934.968	380.840.855.557		230
2	Thuế GTGT (phần NSĐP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%		19.809.495.856	60.021.266.380		35

UBND PHƯỜNG NHỊ CHIỂU

Mẫu biểu số 03

BÁO CÁO THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ 3 NĂM 2026

(Dùng cho Phòng chuyên môn về tài chính thuộc cấp xã báo cáo UBND cùng cấp và Sở Tài chính; Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		Thực hiện so (%)	
			Quý 3	Lũy kế 9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4=3/1*	*5*
	TỔNG CHI NSĐP	**336.499.451.025**	**113.211.178.585**	**251.498.025.574**	**75%**	
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**290.223.962.000**	**77.839.619.208**	**209.828.480.077**	**72%**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**42.808.962.000**	**13.785.658.728**	**35.406.660.783**	**83%**	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	42.808.962.000	13.785.658.728	35.406.660.783	83%	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	**Chi trả nợ lãi**					
III	**Chi thường xuyên**	**242.488.000.000**	**63.408.628.480**	**172.432.820.294**	**71%**	
	Trong đó:					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề		39.615.623.060	105.437.193.965		
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		50.936.000	258.736.000		
IV	**Chi cho vay**					
V	**Chi viện trợ**					
VI	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**					
VII	**Dự phòng ngân sách nhà nước**	4.927.000.000	645.332.000	1.988.999.000	40%	
VIII	**Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế**					
IX	**Các nhiệm vụ chi khác**					
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI**	**46.275.489.025**	**35.371.559.377**	**41.669.545.497**		
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	46.275.489.025	35.371.559.377	41.669.545.497	90%	
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					